

Bản tin chứng khoán

Trong số này

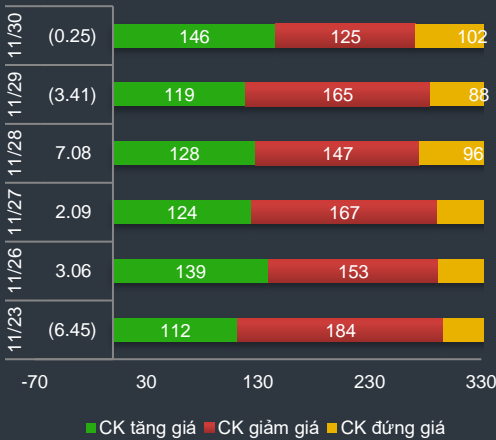
Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường



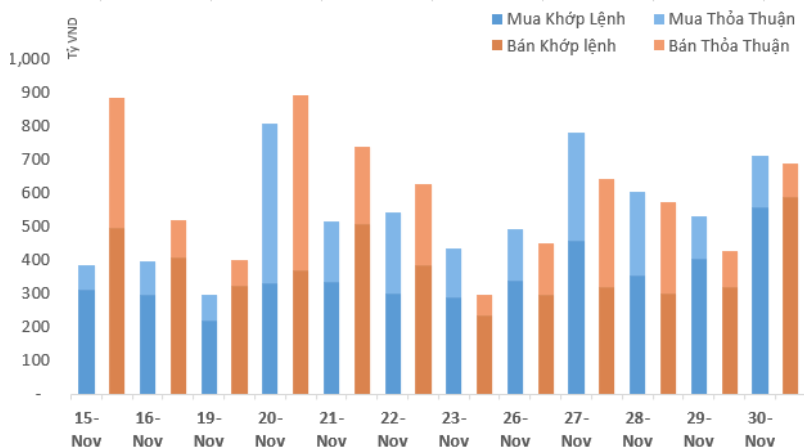
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	125.1
VEA	16.8
VTP	16.1
BID	14.1
GMD	13.6
VCB	13.6
PVD	13.5
DIG	10.3
SSI	6.3
MSH	6.2
STB	5.0
VHM	(7.5)
SAB	(8.7)
MSN	(9.6)
VJC	(12.2)
VRE	(12.8)
NVL	(15.0)
GAS	(20.5)
VIC	(59.7)
HPQ77.4)	

Thị trường phiên cuối tuần dao động khá lớn từ 921 đến 928 điểm và đóng cửa gần như không thay đổi so với phiên trước. Dù chỉ số index không thay đổi nhưng độ rộng thị trường thể hiện sự tích cực hơn hẳn với số mã xanh đã vượt qua nhiều so với số mã giảm.

Thêm 1 tuần lễ tăng điểm thứ hai liên tiếp với chỉ số Vnindex khi có thêm gần 10 điểm so với cuối tuần trước. Điểm lưu ý là hai phiên cuối tuần thanh khoản thị trường đã tăng nhẹ với riêng sàn HOSE gần chạm mức trung bình trên 3,000 tỷ. Tuy nhiên cũng cần lưu ý giao dịch tăng mạnh phiên thứ 6 là nhờ giá trị chuyển nhượng đột biến từ MBB chiếm đến 15% toàn thị trường.

Không có nhóm ngành nào nổi bật mà nhà đầu tư tập trung vào một số cổ phiếu như MBB, VNM, VEA, VIC, CTG, BVG, SSI. Trong khi nhà đầu tư trong nước vẫn giữ trạng thái chờ đợi và hạn chế giải ngân thì dòng tiền khối ngoại trong 1 tuần gần đây tỏ ra chủ động hơn. Chúng tôi thống kê giao dịch mua vào của khối ngoại đã tăng hơn 30% so với 1 tuần trước đó và đã mua ròng gần 500 tỷ qua 6 phiên liên tiếp. Trong tuần qua khối ngoại đã tăng cường mua ròng mạnh nhóm cổ phiếu VNM, SSI, GMD, VCB, BID và VEA. Riêng nhóm CP ngân hàng khối ngoại đã mua ròng tổng cộng hơn 12 triệu cổ phiếu trong 2 tuần liên tiếp ở một số CP như STB, BID, TPB, HDB.



Vnindex 926.54

▼ -0.25 (-0.03%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
MBB	46,558	21.6	3.11
VNM	222,903	128.0	1.35
PLX	67,211	58.0	1.05
PNJ	14,933	92.1	0.88
BVH	67,145	95.8	0.84
GAS	173,787	90.8	0.78
VCB	199,316	55.4	0.73
SSI	14,226	28.5	0.71
CTG	85,638	23.0	0.66
HNG	14,810	16.7	0.60
BID	107,348	31.4	0.48
EIB	16,720	13.6	0.37
KDH	12,441	30.1	0.17
FPT	26,321	42.9	-
SAB	160,320	250.0	-
TCB	91,086	26.1	-
STB	21,914	12.2	-
VPB	51,100	20.8	-
ROS	20,434	36.0	(0.28)
VIC	324,588	101.7	(0.29)
MWG	27,279	84.5	(0.59)
BHN	19,124	82.5	(0.60)
DHG	10,721	82.0	(0.61)
HDB	29,430	30.0	(0.83)
CTD	12,160	155.5	(0.96)
TPB	16,746	25.2	(0.98)
VJC	70,951	131.0	(1.13)
VHM	260,592	77.8	(1.14)
MSN	93,052	80.0	(1.23)
NVL	62,263	68.1	(1.59)
VRE	71,495	30.7	(1.60)
REE	9,860	31.8	(1.85)
HPG	70,514	33.2	(2.92)

Trên trường quốc tế, vào ngày cuối tuần đã có cuộc gặp quan trọng giữa hai lãnh đạo Mỹ - Trung bên lề Hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi (G20) ở Argentina. Đây là cuộc gặp rất được quốc tế quan tâm sau cuộc chiến thương mại căng thẳng kéo dài suốt nhiều tháng qua. Và kết quả cuộc gặp đã đưa đến một thỏa thuận hai bên nhất trí sẽ ngừng áp dụng các mức thuế mới "sau ngày 1/1" - thời điểm Washington dự định áp đặt các mức thuế quan lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc trị giá 200 tỷ USD và sẽ đẩy mạnh các cuộc đàm phán thương mại song phương. Đây là thông tin hỗ trợ quan trọng trong tuần lễ giao dịch đầu tháng 12 mà nhiều nhà đầu tư rất nóng lòng chờ đợi.

Theo các diễn biến vĩ mô cuối năm và cả tình hình quốc tế cho thấy thị trường đã có thời gian tích lũy đủ và chuẩn bị một đợt sóng tăng mới với mức độ tăng dần của dòng tiền vào thị trường. Thời điểm bức phá của thị trường đang ở rất gần và khả năng là ngay bắt đầu vào những tuần lễ đầu của tháng 12. Nhà đầu tư đã có thể gia tăng giải ngân và nắm giữ cổ phiếu. Chúng tôi lưu ý những nhóm cổ phiếu đang có tín hiệu hồi phục tốt và tăng trưởng như TCB, VCB, VEA, VNM, STK, CTD, STB.

Cổ phiếu quan tâm cho tuần mới:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Đáy thấp nhất 6 tháng	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh
TCB	26.0	-0.4%	24.8	44.8	36.5	25
VJC	131.0	3.1%	124.8	63.8	77.9	126
VEA	38.3	3.8%	19.4	70.4	77.1	35
MSH	54.9	-	54.0	-	0	50
VNM	128.0	8.5%	114.3	75.2	86.2	125
STK	18.6	-3.6%	13.1	24.7	20.6	18 - 19
TCM	23.1	-7.2%	16.3	14.4	17.7	23
VPB	20.8	-5.5%	19.0	36.7	18.5	20
VCB	55.4	2.6%	50.5	65.9	69.2	50 - 52
CTD	155.5	2.5%	130.2	61.6	85.3	150
VHC	102.0	-9.2%	54.4	29.8	20.5	100
PVS	19.3	1.0%	13.8	56.0	40.3	17.5 - 18
STB	12.1	-1.6%	9.7	42.1	25.4	11.5 - 12
ACB	29.8	2.8%	26.0	72.0	84.7	25 - 27
TV2	111.6	-0.4%	90.5	51.9	70.4	100
BID	31.4	-0.9%	21.6	43.8	39.3	27 - 28
BVH	95.8	-2.1%	69.3	44.8	32.7	95



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá ('000đ/cp)	KLGĐ	P/E	P/B	Tuần 26.11 - 30.11			Tuần 19.11 - 23.11			Tuần 12.11 - 16.11		
						KL Mua	KL Bán	Mua ròng	KL Mua	KL Bán	Mua ròng	KL Mua	KL Bán	Mua ròng
VCB	HOSE	55.4	1,430,640	16.49	3.24	1,268,360	628,920	639,440	519,840	2,374,650	(1,854,810)	417,560	1,144,850	(727,290)
CTG	HOSE	23	3,625,150	11.14	1.22	1,096,510	1,007,250	89,260	2,507,480	91,310	2,416,170	50,670	1,167,560	(1,116,890)
BID	HOSE	31.4	2,611,400	12.89	2.00	1,650,030	541,180	1,108,850	1,758,330	393,120	1,365,210	1,958,750	679,370	1,279,380
MBB	HOSE	21.55	20,714,536	9.21	1.40	592,835	592,835	-	-	-	-	141,270	141,210	60
TCB	HOSE	26.05	635,260	10.39	1.84	657,820	657,820	-	3,354,310	3,354,310	-	245,230	244,530	700
VPB	HOSE	20.8	1,567,517	7.70	1.65	305,217	305,217	-	1,490,400	1,490,400	-	3,269,220	3,269,220	-
STB	HOSE	12.15	2,724,410	17.19	0.96	2,586,970	296,270	2,290,700	1,855,870	523,240	1,332,630	274,710	1,405,140	(1,130,430)
EIB	HOSE	13.6	243,850	12.40	1.11	-	50,080	(50,080)	200	50,250	(50,050)	-	-	-
HDB	HOSE	30	1,497,920	12.21	1.84	2,431,440	1,892,390	539,050	1,772,230	699,070	1,073,160	3,176,450	4,226,120	(1,049,670)
TPB	HOSE	25.15	7,383,620	10.96	1.66	403,850	-	403,850	3,064,830	-	3,064,830	-	-	-
SHB	HNX	7.5	4,244,381	5.74	0.56	11,020	46,000	(34,980)	36,700	100,000	(63,300)	233,100	191,900	41,200
ACB	HNX	29.8	2,994,302	7.69	1.72	-	-	-	-	-	-	-	70	(70)
NVB	HNX	10.3	1,088,210	109.68	0.97	2,000	-	2,000	-	-	-	-	-	-
LPB	UPCOM	9.5	674,232	6.92	0.71	170,000	24,999	145,001	91,400	19,933	71,467	216,410	-	216,410
BAB	UPCOM	20.4	8,100	16.34	1.63	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VIB	UPCOM	18.7	141,238	5.27	1.04	5,140	-	5,140	7,400	-	7,400	-	47,570	(47,570)
KLB	UPCOM	10	1,300	13.95	0.88	-	-	-	-	-	-	-	-	-
						11,181,192	6,042,961	5,138,231	16,458,990	9,096,283	7,362,707	9,983,370	12,517,540	(2,534,170)

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB





Tình hình lợi nhuận DN 9 Tháng 2018

	Số Cty	Lợi nhuận
Số công ty công bố	931	
- Số DN báo lãi	787	
- Số DN báo lỗ	126	
Tổng lợi nhuận 9T 2018 Tỷ VND		191,142
Tổng lợi nhuận 9T 2017 Tỷ VND		151,173
% Tăng/(Giảm)		26.4%

Thống kê lợi nhuận Quý 9T 2018 theo ngành

Ngành	Số DN	Vốn Hóa	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/- Tỷ VND	Tăng trưởng %
			9T.2017	9T.2018		
			Tỷ VND	Tỷ VND		
Bán lẻ	18	47,516	2,172.4	2,748.3	575.90	26.5%
Bảo hiểm	10	86,266	2,533.3	1,864.6	(668.70)	-26.4%
Bất động sản	89	824,768	12,819.3	25,365.7	12,546.40	97.9%
Công nghệ Thông tin	21	31,326	1,743.3	2,095.4	352.10	20.2%
Dầu khí	7	149,453	8,474.5	8,467.0	(7.50)	-0.1%
Dịch vụ tài chính	35	54,432	3,476.7	4,517.6	1,040.90	29.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82	310,342	13,134.7	16,610.7	3,476.00	26.5%
Du lịch và Giải trí	30	140,746	5,816.7	6,487.6	670.90	11.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	135	326,442	13,708.1	18,008.2	4,300.10	31.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	38	46,605	2,970.8	3,624.0	653.20	22.0%
Hóa chất	48	84,610	4,044.6	5,836.9	1,792.30	44.3%
Ngân hàng	18	761,668	36,125.5	50,276.4	14,150.90	39.2%
Ô tô và phụ tùng	12	15,592	399.6	491.6	92.00	23.0%
Tài nguyên Cơ bản	67	147,252	9,250.4	9,355.6	105.20	1.1%
Thực phẩm và đồ uống	81	628,840	20,481.1	24,791.9	4,310.80	21.0%
Truyền thông	25	12,127	198.0	288.6	90.60	45.8%
Viễn thông	5	51,882	1,142.0	(30.7)	(1,172.70)	-102.7%
Xây dựng và Vật liệu	185	151,613	10,886.4	8,399.9	(2,486.50)	-22.8%
Y tế	25	39,661	1,795.6	1,942.2	146.60	8.2%
Total	931	3,911,141	151,173.00	191,141.50	39,968.50	26.44%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Mã	Sàn NY	Giá VNĐ	Vốn hóa Tỷ VNĐ	Doanh thu		Lợi Nhuận		EPS 4 quý VNĐ	P/Bv lần	PE lần	ROA lần	ROE lần
				9T.2018 Tỷ VNĐ	% cùng kỳ lần	9T.2018 Tỷ VNĐ	% cùng kỳ lần					
ABT	HOSE	42,200	485.2	308.0	8.1%	54.8	303.5%	5,789	1.49	7.29	11.1%	16.2%
ACB	HNX	29,300	36,541.9	0.0		3,771.8	139.5%	3,157	1.74	9.28	1.5%	24.6%
ACL	HOSE	30,150	687.4	1,190.3	34.3%	147.4	1141.7%	6,517	1.48	4.63	12.7%	34.9%
AMV	HNX	37,000	1,003.3	164.2	1466.2%	94.7	22817.7%	4,874	2.25	7.59	31.1%	34.6%
ANV	HOSE	25,900	3,228.4	2,734.7	30.0%	303.4	244.0%	2,796	2.58	9.26	11.5%	23.9%
APC	HOSE	37,000	436.8	125.7	15.9%	58.8	23.4%	6,836	1.47	5.41	24.7%	27.1%
ASM	HOSE	10,700	2,588.7	5,149.0	250.1%	957.1	44.0%	4,187	0.58	2.56	10.4%	21.2%
BWE	HOSE	20,750	3,112.5	1,591.4	27.5%	231.2	162.9%	2,099	0.80	9.89	2.7%	8.6%
BTT	HOSE	43,750	590.6	264.4	2.7%	36.2	42.1%	3,724	1.87	11.75	10.5%	15.4%
BWS	UPCOM	30,500	1,921.5	449.2		169.0	68.4%	3,413	2.60	8.94	26.1%	30.2%
CAV	HOSE	55,500	3,196.8	6,029.5	20.8%	291.9	50.5%	6,485	2.05	8.56	10.9%	26.6%
STK	HOSE	19,500	1,168.8	1,780.9	24.4%	131.4	162.8%	2,706	1.36	7.21	7.8%	19.8%
CKD	UPCOM	14,800	458.8	851.1	-6.2%	106.0	453.7%	5,258	0.99	2.81	17.8%	37.8%
CLC	HOSE	34,800	912.0	1,446.6	7.3%	105.8	49.6%	5,345	1.48	6.51	14.2%	22.7%
CMX	HOSE	12,300	162.6	802.9	16.1%	58.9	739.4%	4,987	1.39	2.47	8.3%	83.5%
CNG	HOSE	27,100	731.7	1,320.6	36.7%	83.8	36.4%	4,218	1.56	6.42	14.6%	23.3%
CSC	HNX	29,500	295.0	243.3	52.9%	118.8	190.5%	14,721	0.88	2.00	22.9%	49.5%
CTI	HOSE	25,550	1,609.7	709.1	-17.9%	105.5	53.7%	2,427		10.53	3.6%	10.6%
CTR	UPCOM	21,900	1,059.7	3,106.9	42.3%	107.0	124.7%	3,134	1.35	6.99	7.3%	20.1%
DPG	HOSE	45,000	1,350.0	917.7	29.6%	85.3	31.0%	5,083	1.40	8.85	3.7%	16.6%
DGC	HNX	47,500	5,120.6	4,327.3	58.2%	620.6	298.6%	6,893	1.85	6.89	21.0%	28.9%
DGW	HOSE	23,600	958.2	4,382.7	62.6%	78.3	31.9%	2,504	1.43	9.42	6.6%	14.3%
DHC	HOSE	40,200	1,385.3	679.4	18.2%	103.7	147.6%	4,026	1.71	9.99	9.1%	18.3%
DHT	HNX	40,300	759.4	1,281.8	17.9%	60.2	20.9%	4,447	2.81	9.06	13.8%	32.8%
DNH	UPCOM	20,700	8,743.7	1,596.3	31.6%	801.0	104.3%	2,399	1.56	8.63	13.1%	18.4%
DVP	HOSE	45,500	1,820.0	466.9	1.0%	226.0	21.0%	7,226	1.65	6.30	25.1%	28.0%
DXG	HOSE	25,550	8,937.9	3,236.6	93.1%	750.2	23.9%	3,042	1.57	8.40	8.9%	20.6%
DP3	HNX	82,000	557.6	361.9	44.4%	81.0	206.2%	14,072	2.82	5.83	39.0%	55.3%
FPT	HOSE	41,850	25,677.3	16,261.1	-46.1%	1,828.2	24.4%	5,305	1.92	7.89	12.4%	23.5%
FRT	HOSE	71,100	4,834.8	11,032.5	19.5%	227.4	29.7%	5,031	4.92	14.13	8.4%	37.8%
FOX	UPCOM	51,000	11,532.6	6,478.1	15.9%	795.5	22.4%	4,361	3.21	11.69	10.5%	26.5%
GAS	HOSE	99,800	191,012.2	56,613.9	19.2%	8,879.8	68.3%	6,557	4.36	15.22	19.5%	28.2%
GEX	HOSE	25,800	10,489.3	10,049.3	15.9%	724.9	114.3%	2,603	1.39	9.91	5.9%	12.6%

GIL	HOSE	37,500	715.3	1,607.4	15.3%	88.7	153.9%	8,997	0.84	4.17	10.6%	28.6%
GMD	HOSE	27,700	8,224.8	1,998.5	-30.3%	1,675.1	22.7%	6,458	1.35	4.29	18.2%	28.3%
GSP	HOSE	13,650	409.5	1,234.1	37.4%	48.7	31.0%	2,148	1.06	6.35	11.4%	16.6%
HEM	UPCOM	21,900	805.9	326.2	-26.9%	66.4	180.3%	2,370	1.41	9.24	10.8%	15.3%
HJS	HNX	23,000	483.0	131.6	5.1%	38.8	33.3%	2,209	1.64	10.41	10.1%	15.8%
HMC	HOSE	14,450	303.5	2,867.7	41.5%	72.4	42.9%	5,151	0.79	2.81	10.1%	29.0%
HTC	HNX	25,600	281.6	1,622.6	26.1%	30.7	53.1%	3,566	1.23	7.18	7.7%	16.7%
HVT	HNX	47,500	521.9	712.9	20.6%	65.5	96.2%	9,085	2.43	5.23	21.4%	50.3%
IMP	HOSE	50,700	2,504.7	810.1	7.9%	99.3	21.3%	2,585	1.78	19.61	7.5%	8.9%
KSB	HOSE	29,450	1,516.1	776.3	4.9%	212.7	28.3%	5,796	1.70	5.08	14.3%	35.6%
L14	HNX	35,900	538.5	177.7	-20.5%	64.5	52.7%	7,427	1.85	4.83	23.1%	39.2%
LGL	HOSE	7,170	358.5	763.1	432.5%	48.4	516.8%	3,203	0.51	2.24	5.8%	23.4%
MBB	HOSE	21,500	46,449.7	0.0		4,801.4	47.4%	2,341	1.44	9.18	1.6%	16.2%
MCH	UPCOM	86,000	52,452.7	11,659.2	32.6%	2,483.7	49.3%	5,527	6.02	15.56	19.8%	32.8%
VET	UPCOM	63,900	1,019.8	650.4	2.1%	57.2	961.7%	5,400	2.99	11.83	8.0%	27.3%
NBC	HNX	6,300	233.1	1,552.1	44.3%	37.7	55.9%	2,414	0.53	2.61	3.1%	19.5%
NDN	HNX	13,800	613.2	161.7	28.8%	32.9	35.9%	2,624	1.08	5.26	10.8%	20.3%
NED	UPCOM	10,200	413.1	186.3		57.7	96.3%	2,025	1.30	5.04	6.4%	29.2%
NRC	HNX	43,300	519.6	139.5		55.3	249.9%	6,200	3.33	6.98	23.8%	40.7%
NLG	HOSE	28,550	6,040.5	2,740.5	67.4%	635.1	901.7%	4,378	1.27	6.52	9.9%	19.9%
NNC	HOSE	51,600	1,131.1	437.5	2.7%	151.6	32.1%	9,014	2.96	5.72	35.7%	43.3%
NTC	UPCOM	74,100	1,181.4	120.8	18.8%	144.2	139.1%	11,775	2.80	6.29	6.1%	47.6%
PAC	HOSE	44,500	2,068.0	2,296.8	10.6%	108.6	105.5%	2,923	3.74	15.22	6.8%	21.4%
PC1	HOSE	23,500	3,120.1	3,578.2	55.5%	410.9	125.3%	3,544	0.97	6.63	7.3%	15.6%
PGC	HOSE	14,200	856.8	2,440.7	14.5%	116.6	36.3%	2,720	1.11	5.22	7.5%	21.0%
PGD	HOSE	38,300	3,446.9	6,004.1	20.8%	197.0	23.9%	3,132	2.69	12.23	9.2%	19.6%
PHC	HOSE	14,000	327.7	1,940.1	44.8%	38.9	161.1%	2,081	0.79	6.73	2.7%	13.4%
PHR	HOSE	29,200	3,956.6	884.0	-21.1%	390.6	61.3%	3,509	1.44	8.32	10.6%	18.4%
PNJ	HOSE	96,200	15,597.7	10,507.7	35.5%	694.4	40.9%	5,651	5.34	17.02	18.5%	28.4%
QPH	UPCOM	25,900	481.3	84.7	2.2%	42.3	115.8%	2,433	1.61	10.65	10.7%	15.6%
SAF	HNX	60,000	475.1	752.4	5.4%	30.6	24.1%	4,993	4.88	12.02	21.3%	33.8%
SGN	HOSE	133,400	3,196.9	949.0	16.3%	210.5	30.9%	10,587	5.06	12.60	32.3%	44.9%
SDG	HNX	31,900	216.9	524.2	198.9%	36.3	465.2%	5,042	0.67	6.33	6.8%	15.5%
SFI	HOSE	28,300	333.9	647.1	22.2%	44.1	59.0%	4,016	0.88	7.05	7.7%	12.6%
SRA	HNX	48,800	97.6	185.9	1942.9%	59.5	7383.7%	34,684	1.11	1.41	86.8%	139.6%
SSI	HOSE	28,500	14,226.4	2,794.7	49.3%	1,094.9	74.4%	2,540	1.50	11.22	6.9%	15.9%
SVC	HOSE	45,200	1,128.9	9,631.7	-5.4%	112.5	326.8%	5,680	0.84	7.96	4.0%	10.7%
AST	HOSE	65,000	2,340.0	642.0	33.8%	119.1	36.9%	4,346	4.64	14.96	23.9%	31.9%
TCB	HOSE	27,000	94,408.0	0.0		6,209.2	20.7%	2,611	1.94	10.34	3.0%	21.7%
TCM	HOSE	25,150	1,361.4	2,826.8	15.4%	212.6	85.5%	4,319	1.31	5.82	7.7%	20.7%
TCT	HOSE	57,100	730.2	157.3	12.6%	75.0	106.4%	6,082	2.35	9.39	25.0%	26.9%
TCW	UPCOM	16,800	253.1	486.7	-1.4%	41.7	21.0%	3,577	0.78	4.70	8.3%	16.6%
TMP	HOSE	33,500	2,345.0	626.8	15.8%	313.6	35.1%	5,526	1.89	6.06	26.8%	33.8%
TMS	HOSE	22,900	1,088.0	1,736.5	24.2%	165.4	86.4%	4,184	0.63	5.47	6.8%	13.0%
TNG	HNX	17,700	873.3	2,726.6	47.6%	130.5	38.0%	3,203	1.20	5.53	6.2%	23.4%
TPB	HOSE	25,000	16,645.7	0.0		1,290.1	101.1%	2,517	1.66	9.93	1.2%	18.2%
TVS	HOSE	13,750	851.9	338.4	24.7%	104.1	431.1%	2,563	1.05	5.36	7.0%	19.4%
UIC	HOSE	30,100	240.8	1,872.8	10.9%	41.7	36.3%	6,485	0.90	4.64	11.8%	19.9%
VCB	HOSE	55,500	199,676.2	0.0		9,365.3	36.9%	3,359	3.35	16.52	1.2%	21.0%
VEA	UPCOM	34,300	45,599.1	4,681.9	12.2%	4,843.7	27.3%	3,797	2.46	9.03	0.0%	0.0%
VHC	HOSE	100,300	9,257.9	6,569.3	9.6%	1,036.0	260.5%	13,203	2.52	7.60	23.0%	38.3%
VIB	UPCOM	26,500	14,064.4	0.0		1,376.5	134.5%	3,736	1.50	7.09	1.5%	21.2%

TVT	HOSE	22,100	464.1	1,825.8	-9.0%	80.1	42.8%	4,819	0.64	4.59	6.1%	14.2%
VJC	HOSE	132,000	71,492.7	33,934.8	50.1%	3,681.3	74.1%	10,037	5.74	13.15	16.3%	47.5%
VIX	HNX	9,200	744.9	363.0	50.6%	204.6	2528.0%	3,022	0.68	3.04	17.9%	24.5%
VMC	HNX	22,300	446.0	1,101.8	37.6%	67.2	359.4%	24,799	0.74	0.90	17.1%	86.0%
VSA	HNX	18,000	253.7	656.6	9.2%	39.1	42.3%	4,193	0.80	4.29	8.9%	16.8%
VPG	HOSE	23,500	540.5	1,320.0		54.8	135.4%	2,778	1.75	8.46	3.9%	22.6%
VRC	HOSE	23,000	1,150.0	33.2	932.1%	175.3	1639.3%	4,512	1.26	5.10	20.0%	27.3%
VCW	UPCOM	33,400	2,505.0	333.0	10.0%	153.2	31.4%	2,669	2.70	12.51	18.2%	22.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu
Quan tâm

Top tăng giá HOSE

VPH	3.22
PHR	3.62
VNE	4.55
VRC	5.29
NAF	6.40
TNT	6.74
VOS	6.75
HTT	6.82
NTL	6.89

Top tăng giá HNX

BVS	4.00
TTH	4.08
MDC	4.17
VNR	4.91
TDN	5.88
HKT	5.88
API	7.53
VTC	8.79
TST	9.78
HKB	10.00
PVV	16.67

KDC - Tập đoàn KIDO – Sau khi hợp nhất thành công hai công ty Tường An (TAC) và Vocarimex, KIDO đã hoàn tất các thủ tục mua lại 51% Công ty Golden Hope Nhà Bè (GHNB). Thông qua việc mua lại 51% cổ phần GHNB, KIDO đã gián tiếp sở hữu 100% cổ phần tại doanh nghiệp này.

POW - Tổng CTCP Điện lực Dầu khí Việt Nam - PV Power - Đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Xuân Hòa từ ngày 1/12/2018 do được điều động, bổ nhiệm làm Phó tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Bên cạnh đó, PVN giới thiệu ông Lê Như Linh, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khí Việt Nam PV Gas làm người đại diện phần vốn của PVN giữ chức thành viên HĐQT và Tổng giám đốc PV Power.

CAV - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 11/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận tạm ứng cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 12/12/2018. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/12/2018.

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới di động – Đã thông qua việc phát hành hơn 12,9 triệu cổ phiếu cho cán bộ quản lý chủ chốt của công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 4 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành.

AAM - CTCP Thủy sản Me Kong - Đã mua được 1,9 triệu cổ phiếu quỹ trong tổng số 2,4 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký mua từ ngày 29/10 đến 27/11 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bình quân 14.641 đồng/cổ phiếu.

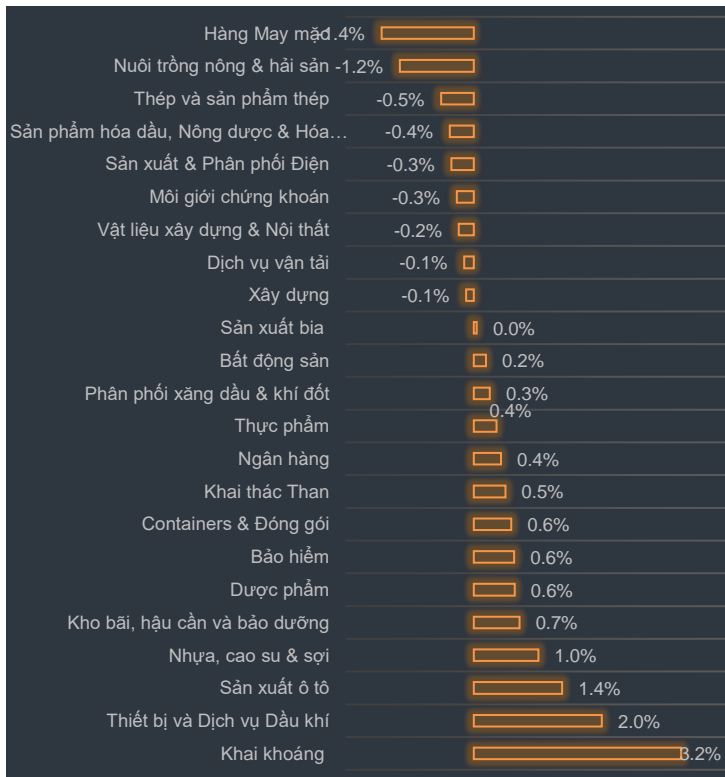
PHR - CTCP Cao su Phước Hòa - Ngày 13/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 14/12/2018. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/3/2019.

CRE - CTCP Bất động sản Thế Kỷ - Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần và sở hữu 50%/vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Lilaha.

VPS - CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam - Ngày 05/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 06/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/12/2018.

KDC - CTCP Tập đoàn Kido – Đã thông qua việc đầu tư mua 51% tổng số cổ phần của CTCP Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè. Hiện CTCP Dầu ăn Golden Hope – Nhà Bè có vốn điều lệ hơn 69 tỷ đồng.

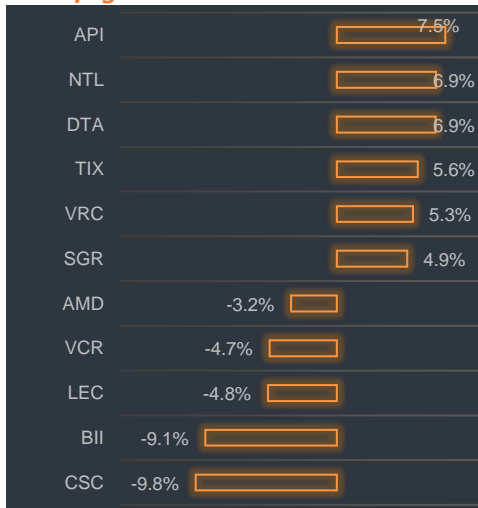
Tăng giảm ngành trong ngày



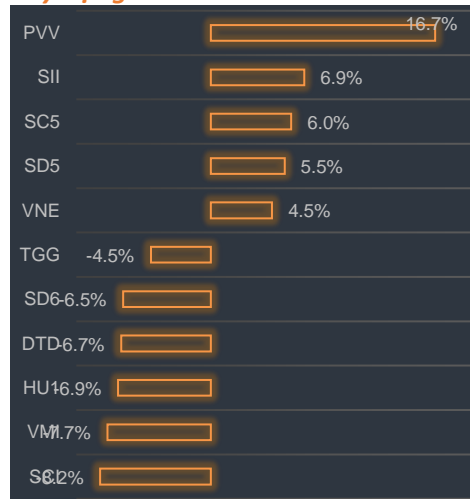
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	API, NTL, DTA
Xây dựng:	PVV, SII, SC5
Dầu khí:	PVD, PVS, PGC
Chứng khoán:	PSI, BVS, WSS
Ngân hàng:	MBB, SHB, ACB

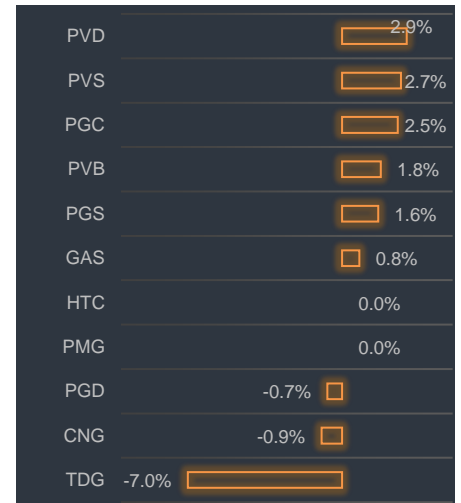
Bất động sản



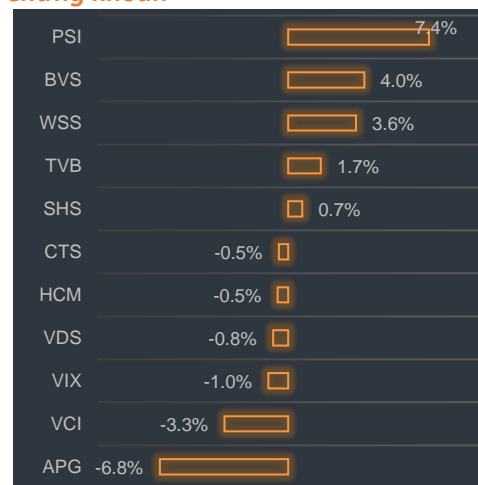
Xây dựng



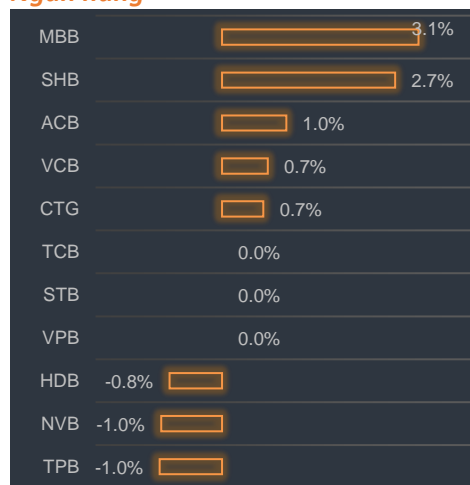
Dầu khí



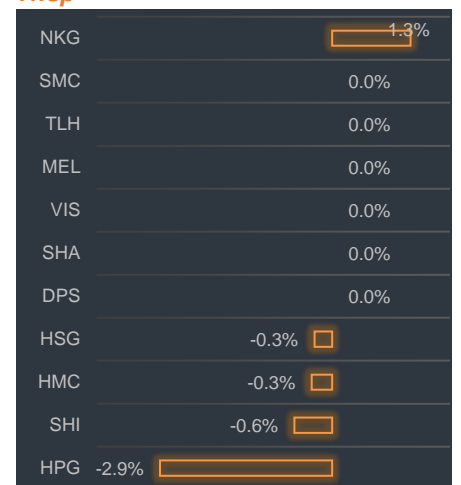
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931